

Số: **02/2025/QĐST-HNGĐ**
2025

Ninh Bình, ngày 28 tháng 7 năm

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh ngày 10/10/1978; Căn cước công dân số: 036178001006 cấp ngày 10/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thôn S, xã C, tỉnh Ninh Bình (Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định cũ).

Bị đơn: Ông Trần Đình H, sinh ngày 05/01/1977; Căn cước công dân số: 036077001293, cấp ngày 26/9/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Thôn S, xã C, tỉnh Ninh Bình (Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định cũ).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Nguyên đơn bà Trần Thị T tự nguyện xin rút một phần yêu cầu về chia tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét phần yêu cầu mà đương sự đã rút.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị T và ông Trần Đình H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Con chung: Bà Trần Thị T và ông Trần Đình H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Vân A, sinh ngày 08/10/2006 và Trần Thị Bảo N, sinh ngày 21/05/2016. Cả hai con chung đều đang ở với ông H, bà T. Hiện tại cháu Vân A đã trưởng thành, đang là sinh viên đại học tại Hà Nội nên bà T và ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà Trần Thị T nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Bảo N, sinh ngày 21/05/2016 (hiện cháu N đang ở cùng với bà T). Ông Trần Đình H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Bảo N là 5.000.000 (năm triệu) đồng/01 tháng kể từ tháng 07 năm 2025 đến khi con chung trưởng thành, tự lập.

Ông Trần Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Tài sản, khoản nợ, công sức đóng góp: Bà Trần Thị T và ông Trần Đình H đã tự thoả thuận và thống nhất xin rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Án phí: Bà Trần Thị T nhận nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào khoản tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004230 ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Ninh Bình). Bà Trần Thị T được trả lại số tiền 9.700.000 đồng (Chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Cổ Lễ, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN

Phạm Trung Kiên